

Bản án số: 85/2021/HS-PT

Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Tuấn;**

*Các Thẩm phán:* 1. Ông **Võ Trung Hiếu;**

2. Ông **Võ Thanh Bình;**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Kiến Phi** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn N do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*- Bị cáo có kháng cáo:*

**Phạm Văn N**, sinh ngày 27/3/1993 tại tỉnh Tiền Giang.

+ Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12;

+ Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

+ Con ông Phạm Văn D (chết) và bà Võ Kim H, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ là Nguyễn Kim Hoa, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2015.

+ Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

+ Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có bị hại Lê Đức N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Tiến Hậu không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N là công nhân của nhà máy xay xát lúa gạo H1 ở ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Phan Trọng T2, sinh năm 1973, thường trú cùng ấp làm chủ. Vào khoảng 20 giờ ngày 29/9/2020, sau khi đi nhậu về nhà máy H1, N nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Future Fi màu đỏ đen biển số 63B1-979.91 của anh Lê Đức N, sinh năm 1975, thường trú ấp H2, xã H3, huyện C là công nhân làm chung với N để trong nhà máy, trên xe còn cắm chìa khóa và không có người trông giữ, nên N nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, N đi đến vị trí xe mô tô mở khóa xe, khởi động máy và điều khiển đến thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi, N ghé vào một quán giải khát bên đường (không rõ địa chỉ) để nghỉ ngơi. Tại đây, N mở cốp xe phát hiện bên trong cốp có số tiền 9.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng 24kr trọng lượng 02 chỉ, 01 nhẫn vàng 24kr trọng lượng 01 chỉ, 01 giấy đăng ký xe mô tô 63B1-979.91, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Đức N, 01 giấy bảo hiểm dân sự xe mô tô biển số 63B1-979.91. Sau đó, N điều khiển xe đến tiệm cầm đồ số 436 ở Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cầm xe mô tô 63B1-979.91 cho anh Nguyễn Trọng Mạnh, sinh năm 1991 với số tiền 15.000.000 đồng. Và sau đó tiếp tục bán chiếc nhẫn vàng 24kr trọng lượng 01 chỉ cho một tiệm vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng. Riêng chiếc nhẫn vàng 24kr trọng lượng 02 chỉ N khai đã đánh rơi mất. Số tiền cầm xe, bán nhẫn vàng và số tiền 9.000.000 đồng trong cốp xe N tiêu xài hết.

Sau khi bị mất tài sản, anh N cùng anh T2 xem lại camera của nhà máy H1 thì phát hiện N là người lấy trộm tài sản, nên ngày 30/9/2020 anh N trình báo Công an giải quyết.

Theo bản kết luận về việc thẩm định giá trị tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện C số 373/KLĐG-TTHS ngày 03/11/2020 xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Futurer Fi màu đỏ đen, biển số 63B1-979.91 trị giá 31.500.000 đồng; 01 nhẫn vàng 24kr trọng lượng 02 chỉ trị giá 10.580.000 đồng; 01 nhẫn vàng 24kr trọng lượng 01 chỉ trị giá 5.290.000 đồng; 01 cái bóp da màu đen có chữ Worlcup không có ăn cứ định giá. Tổng giá trị là 47.370.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng **điểm c** khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành bản án được tính từ ngày tạm giam là ngày 08/01/2021.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2021, bị cáo Phạm Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Phạm Văn N khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Bị cáo có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Phạm Văn N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ, nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 29/9/2020, tại kho nhà máy xay xát lúa H1 thuộc ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo N đã trộm cắp của anh Lê Đức N 01 xe mô tô hiệu Honda lại Futurer Fi, biển số 63B1-979.91 và 03 chỉ vàng 24kr, 9.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh N là 56.370.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N, nhận thấy: Về ý thức chủ quan bị cáo nhận thức được rằng, tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng, chỉ vì tham lam mà bị cáo đã lợi dụng vào sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội để đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì thế, xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc là cần thiết, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe, phòng chống tội phạm cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đặc điểm nhân thân cùng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bản án sơ thẩm đã xem xét, bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Vì thế, xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HSST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng **điểm c** khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/01/2021.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C, TG;
- VKSND huyện C, TG;
- Công an huyện C, TG;
- THADS huyện C, TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Xuân Tuấn**